

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI  
TRƯỜNG**

-----

Số: 965/QĐ-BTNMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ  
MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI  
ĐOẠN 2015-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;*

*Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020; Quyết định số 1659/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 08 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020;*

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Sở TN&MT;
- Các Thứ trưởng;
- Công TĐĐT Bộ TNMT;
- Lưu VT, TCMT.

**Nguyễn Minh Quang**

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2015-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Để thực hiện thành công Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường với những nội dung sau:

## **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

### **1. Mục tiêu**

- Thực hiện có hiệu quả mục tiêu Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, góp phần thực hiện tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng, xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả tài nguyên với giá trị gia tăng cao và bảo vệ môi trường;
- Góp phần vào mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính, ứng phó hiệu quả hơn với biến đổi khí hậu;
- Góp phần ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường sống, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường góp phần hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, các bon thấp.

## **II. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm, phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm**

- Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản:

b) Nâng cao hiệu quả đánh giá tác động môi trường, đặc biệt đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy và hệ thống sông Đông Nai, Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 04 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

d) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí đến năm 2020; Chương trình thúc đẩy giảm thiểu, phân loại chất thải rắn tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn đến năm 2020; Chương trình mục tiêu khắc phục và cải thiện môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng giai đoạn 2016 - 2020;

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Mê Kông; Đề án quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong các khu đô thị đến năm 2020 theo yêu cầu của Chiến lược bảo vệ môi trường, quốc gia;

e) Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao hiệu quả hoạt động thu gom, xử lý và tái chế góp phần ngăn chặn sự gia tăng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề tái chế;

f) Nghiên cứu áp dụng các giải pháp, công cụ kiểm toán môi trường, kiểm toán chất thải, quản lý hạn ngạch phát thải góp phần quản lý, kiểm soát, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm.

## **2. Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

a) Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011 và Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012;

b) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng đáp ứng yêu cầu xây dựng bản đồ ngập lụt, bản đồ rủi ro thiên tai, rủi ro khí hậu theo các kịch bản biến đổi khí hậu - nước biển dâng;

c) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu để thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ; tăng cường phối hợp với các ngành để thường xuyên giám sát phát thải và quản lý các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính;

d) Đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia, xây dựng hệ thống giám sát phát thải khí nhà kính ở Việt Nam;

đ) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật để các doanh nghiệp thực hiện được kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính trong hệ thống sản xuất;

e) Hoàn thiện bộ tiêu chí để xác định các dự án ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng quy trình, thủ tục thẩm định phê duyệt và giám sát đánh giá các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **3. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển nhanh các ngành sản xuất sản phẩm sinh thái và phát triển dịch vụ môi trường**

a) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường góp phần thúc đẩy phát triển một số ngành, lĩnh vực cung ứng sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường, các sản phẩm tái chế;

b) Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả Đề án Kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11 tháng 04 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ góp phần xây dựng và hình thành thói quen tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường;

c) Tiếp tục xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về các sản phẩm dán nhãn sinh thái. Các loại hình sản phẩm, dịch vụ xem xét dán nhãn sinh thái theo lộ trình đến 2020 là: vật liệu xây dựng, lương thực và thực phẩm, giao thông vận tải, năng lượng, dệt may, đồ gỗ, thiết bị y tế;

d) Nghiên cứu ban hành qui chế chi tiêu công xanh cho ngành tài nguyên và môi trường;

đ) Hướng dẫn và hỗ trợ phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn kỹ thuật, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực của ngành tài nguyên và môi trường nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh.

### **4. Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên**

a) Đẩy mạnh điều tra, kiểm kê, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên biển;

b) Tăng cường hoạt động quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng, nguồn nước, hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; xử lý nghiêm các cơ sở khai thác nước mặt, nước ngầm có hành vi vi phạm pháp luật;

c) Nghiên cứu, tổ chức áp dụng thí điểm việc cấp hạn ngạch trong khai thác nước mặt, nước ngầm cho từng khu vực;

d) Đưa tiêu chí môi trường vào quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tác động do chuyển đổi mục đích sử dụng đất lên môi trường;

đ) Ban hành và thực hiện hướng dẫn về lồng ghép vấn đề bảo vệ môi trường với quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

## **5. Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển các nguồn vốn tự nhiên**

a) Xây dựng và thực hiện hệ thống quan trắc đa dạng sinh học, các dịch vụ hệ sinh thái; xây dựng các chỉ thị quan trắc đa dạng sinh học và hệ thống cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, các dịch vụ hệ sinh thái;

b) Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học theo các tiêu chí để xác lập khu bảo tồn thiên nhiên được quy định tại Luật Đa dạng sinh học và các đạo Luật khác có liên quan;

c) Điều tra, đánh giá và lập bản đồ phân vùng sinh thái, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng, sinh thái nhạy cảm;

d) Xây dựng hành lang đa dạng sinh học kết nối các hệ sinh thái rừng và khu vực trọng yếu nhằm bảo tồn đa dạng sinh học;

đ) Kiểm kê, đánh giá hiện trạng quy hoạch, kế hoạch sử dụng các vùng, đất ngập nước và hướng dẫn các địa phương xây dựng, thực hiện các giải pháp bảo tồn, sử dụng khôn khéo đất ngập nước;

e) Nghiên cứu áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái theo hướng bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên;

g) Xây dựng các công cụ đánh giá giá trị kinh tế về đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, và triển khai áp dụng các giải pháp phát triển bền vững, tài nguyên đa dạng sinh học;

h) Kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về vốn tự nhiên và từng bước xây dựng hệ thống tài khoản xanh thông qua việc lượng giá các nguồn vốn tự nhiên.

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, khuyến khích hỗ trợ thực hiện tăng trưởng xanh**

a) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng về vai trò và ý nghĩa của tăng trưởng xanh;

b) Tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích của các sản phẩm dán nhãn sinh thái; các sản phẩm thân thiện môi trường đến người tiêu dùng, cộng đồng và doanh nghiệp;

c) Đẩy mạnh phát động các phong trào thi đua, các cuộc thi, các sáng kiến về môi trường, tuyên dương và khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

d) Khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng phát triển các mô hình thành phố bền vững về môi trường, mô hình làng sinh thái, mô hình phân loại rác thải tại nguồn theo phương pháp giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng (3R).

## **2. Hoàn thiện pháp luật, tăng cường năng lực thực hiện tăng trưởng xanh**

a) Xây dựng Khung chính sách về tăng trưởng xanh của ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020, tập trung vào các lĩnh vực: tài nguyên nước, sử dụng đất, khoáng sản, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu.

b) Lập quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đáp ứng yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường và bảo đảm phù hợp chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia;

c) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

d) Tiếp tục rà soát, chuyển đổi và xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; xây dựng mới các quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

đ) Lồng ghép nội dung sử dụng tài nguyên nước trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều nước bảo đảm phù hợp với quy hoạch tìm kiếm và khai thác tài nguyên nước;

e) Lồng ghép các chính sách quốc gia với các kế hoạch hành động quốc tế về việc chống thoái hóa và sử dụng đất bền vững.

## **3. Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho tăng trưởng xanh**

a) Nghiên cứu, đề xuất tăng tỷ lệ chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường, phấn đấu đến năm 2020 đạt 2% tổng chi ngân sách, phát huy vai trò, trách nhiệm của ngành tài nguyên và môi trường trong việc phân bổ, giám sát các nguồn chi ngân sách cho bảo vệ môi trường;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Thuế bảo vệ môi trường theo hướng mở rộng đối tượng chịu thuế, rà soát, đánh giá và kiến nghị điều chỉnh mức phí bảo vệ môi trường đảm bảo phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

c) Tăng cường năng lực, củng cố hoạt động nhằm phát huy vai trò của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, xây dựng cơ chế huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, ưu tiên hỗ trợ các chương trình, dự án về tăng trưởng xanh;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

đ) Đẩy mạnh triển khai áp dụng mô hình hợp tác công - tư (PPP) của ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú ý tới các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, dự án đầu tư khai thác và sử dụng hệ sinh thái, dự án đầu tư dịch vụ cung ứng nước.

#### **4. Tăng cường hợp tác quốc tế về tăng trưởng xanh**

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho thực hiện tăng trưởng xanh;

b) Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin về xây dựng và thực hiện các nội dung của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

c) Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc sử dụng, quản lý và bảo vệ các nguồn nước dùng chung giữa Việt Nam và các nước láng giềng;

d) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực và trên thế giới trong thực hiện Chiến lược quốc gia, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban hành Danh mục các hoạt động ưu tiên triển khai thực hiện Chương trình hành động ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2015 - 2020 tại Phụ lục kèm theo.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ:

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình của đơn vị; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong chương trình công tác hàng năm của đơn vị; tổ chức triển khai các hoạt động ưu tiên được phân công;

b) Chủ động, tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, trong đó tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình;

c) Báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược và Chương trình hành động gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Kế hoạch) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

3. Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường, Vụ Tài chính, Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất của các đơn vị, cơ cấu nguồn vốn và nhu cầu kinh phí hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình trình Bộ trưởng phê duyệt, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Chương trình hành động của ngành, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng kết quả thực hiện./.

## PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2015 - 2020  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng Khung chính sách về tăng trưởng xanh của ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020	2015-2020	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố
2	Lập quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2016-2020	Tổng cục Môi trường, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố	Vụ Kế hoạch
3	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường	2015-2020	Tổng cục Môi trường	Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố
4	Xây dựng Đề án quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong các khu đô thị đến năm 2020	2015-2020	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố
5	Nghiên cứu ban hành quy chế chỉ tiêu công xanh cho ngành tài nguyên và môi trường	2016-2020	Vụ Tài chính	Tổng cục Môi trường, Vụ Kế hoạch; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố
6	Nghiên cứu, tổ chức áp dụng thí điểm việc cấp hạn ngạch trung khai thác nước mặt nước ngầm cho từng khu vực	2016-2020	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố
7	Kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn “vốn tự nhiên”	2017-2020	Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường	Cục Công nghệ thông tin; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố